

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~13136~~ /BTC-QLN

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN.

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Nội vụ;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- UBND Thành phố Đà Nẵng;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Thành phố Huế;

HOÀ-TỐC →

Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 22/4/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư) đã được ban hành và góp phần hỗ trợ các Bộ và địa phương triển khai sử dụng và quản lý vốn viện trợ không hoàn lại trong thời gian qua. Đến nay, do các Luật, Nghị định là căn cứ để ban hành Thông tư này đã được sửa đổi, bổ sung và thay thế (cụ thể: Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được thay thế bởi Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH19 đã được thay thế bởi Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được thay thế bởi Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam đã được thay thế bằng Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ...), việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Thông tư số 23/2022/TT-BTC để phù hợp

với quy định hiện hành và gắn với mục tiêu triển khai các nội dung sử dụng vốn viện trợ trong giai đoạn mới là cần thiết.

Do vậy, Bộ Tài chính cũng đã dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Thông tư số của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN (dự thảo Thông tư đính kèm).

Để kịp thời ban hành Thông tư đúng tiến độ, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản đối dự thảo Thông tư nêu trên.

Văn bản tham gia ý kiến đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 03 tháng 9 năm 2026.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng Website);
- Lưu: VT, QLNN (qb)✓

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO NGÀY
30.7.2026

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2022 VỀ HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NƯỚC NGOÀI THUỘC NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Xét duyệt quyết toán nguồn viện trợ nước ngoài của ngân sách nhà nước hằng năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới; tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn viện trợ hằng năm theo quy định.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Xét duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chương trình, dự án, khoản viện trợ hoàn thành theo quy định về quyết toán chương trình, dự án, quyết toán khoản viện trợ; tổ chức quản lý, hạch toán tài sản hình thành từ khoản viện trợ, chương trình, dự án viện trợ theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Xây dựng dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm và 05 năm trình cơ quan chủ quản để tổng hợp và thực hiện dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Dự toán thu chi NSNN, Kế hoạch vốn từ nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án, phi dự án

1. Dự toán thu chi ngân sách nhà nước hoặc kế hoạch vốn nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án là một bộ phận thuộc Kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm, Kế hoạch đầu tư công 05 năm và dự toán thu chi NSNN hằng năm, kế hoạch vốn NSNN hằng năm.

2. Mẫu biểu, trình tự lập, phê duyệt dự toán thu chi NSNN 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm từ nguồn vốn viện trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ được xây dựng cùng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm hoặc kế hoạch vốn hằng năm và gửi cơ quan chủ quản để phê duyệt”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Dự toán thu, chi NSNN hằng năm và kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn vốn viện trợ.

1. Việc lập dự toán thu, chi vốn viện trợ và kế hoạch đầu tư công hàng năm vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước vốn viện trợ hay điều chỉnh kế hoạch vốn phải đảm bảo khả năng thực hiện của chủ chương trình, dự án, phi dự án.

3. Đối với các khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật hoặc công trình chìa khóa trao tay do bên cung cấp viện trợ thực hiện tại Việt Nam và bàn giao cho cơ quan tiếp nhận phía Việt Nam, trường hợp tại thời điểm tiếp nhận bàn giao hàng hóa, hiện vật, công trình chưa có dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản của khoản viện trợ lập đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thực hiện việc hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Việc chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi vốn viện trợ được giải ngân về ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho chương trình, dự án cụ thể, căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được phê duyệt, quyết định phê duyệt chương trình, dự án và tiến độ thực hiện chương trình, dự án cụ thể, chủ chương trình, dự án thực hiện rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý chi ngân sách nhà nước”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Hạch toán thu NSNN: Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của bên tài trợ và thông báo của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước theo nguyên tắc quy đổi ra đồng Việt Nam.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ

Căn cứ Hiệp định viện trợ hoặc thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ, chủ chương trình, dự án, phi dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản, thông tin cơ quan chủ quản về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, thông tin về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

2. Giải ngân, hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ

a) Việc giải ngân, hạch toán vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3 và 4 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam hoặc quy định tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

b) Đối với vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại nhưng chưa giải ngân và chưa được hạch toán thu, chi NSNN, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được khoản giải ngân của bên tài trợ, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm chứng từ ghi có vào tài khoản, gửi đến cơ quan chủ quản đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh để quản lý số vốn đã tiếp nhận.

Đối với khoản viện trợ chủ chương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận, chi tiêu nhưng chưa có dự toán, định kỳ hàng quý chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản để theo dõi, tổng hợp.

c) Trường hợp các khoản viện trợ ODA có cơ quan chủ quản là UBND cấp tỉnh, thực hiện hạch toán thu viện trợ của ngân sách trung ương và hạch toán chi ngân sách trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh. Đồng thời hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương và hạch toán chi cho chương trình, dự án.

d) Hằng tháng, ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước mở tài khoản gửi sao kê tài khoản cho chủ chương trình, dự án đồng gửi cơ quan chủ quản để phối hợp quản lý."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trường hợp chủ chương trình, dự án là các doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vốn viện trợ bằng tiền theo phương thức phía Việt Nam trực tiếp thực hiện, việc hạch toán được thực hiện như sau:"

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

"a) Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy

định pháp luật liên quan, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm khoản viện trợ do bên tài trợ trực tiếp thực hiện tại Việt Nam hoặc phương thức chìa khóa trao tay

1. Việc hạch toán ngân sách được thực hiện theo các quy định tại khoản 3, 4 Điều 90 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, điểm d khoản 41 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài; quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ, hồ sơ hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu cho bên Việt Nam bao gồm vận đơn, hóa đơn, biên bản bàn giao và hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận viện trợ.

2. Đối với các khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa do bên tài trợ nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho một đơn vị không phải chủ chương trình, dự án, phi dự án tại Việt Nam thực hiện hoặc khoản viện trợ theo phương thức chìa khóa trao tay: Sau khi nhà tài trợ bàn giao hiện vật, hàng hóa hoặc bàn giao hiện vật, hàng hóa, công trình hoàn thành cho phía Việt Nam, chủ dự án chịu trách nhiệm tập hợp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa, hiện vật hoặc công trình, xác định giá trị báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, quyết định để thực hiện bổ sung dự toán, hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án áp dụng tỷ giá theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Đối với tài sản được hình thành từ nguồn vốn viện trợ thuộc diện NSNN đầu tư hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 hoặc điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 1 như sau:

“a) Dự toán thu, chi NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với khoản viện trợ đã chi tiêu nhưng chưa có dự toán, trước khi thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, chủ dự án có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan báo cáo cơ quan chủ quản để cơ quan chủ quản phân bổ trong phạm vi dự toán đã được giao trong năm để thực hiện quyết toán theo quy định. Trường hợp cần bổ sung dự toán, cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về số dự toán bổ sung, có công văn gửi Bộ Tài chính chậm nhất ngày 01 tháng 10 năm ngân sách, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện bổ sung dự toán để thực hiện quyết toán theo quy định.

b) Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp 1 cùng cấp về tính đầy đủ, khớp đúng giữa số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quyết toán vốn đầu tư dự án và Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 1 như sau:

“a) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng tiền định kỳ hàng quý và hàng năm.

b) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng hàng, dịch vụ định kỳ hàng quý và hàng năm.

c) Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu chi chi vốn viện trợ định kỳ hàng quý và hàng năm.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 20 như sau:

“a) Báo cáo định kỳ hàng quý: Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 6 Điều 20 như sau:

“a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Đối với báo cáo hằng năm, báo cáo gửi chậm nhất vào ngày 18/2 năm sau đối với kỳ báo cáo từ ngày 01/1 đến ngày 31/1 năm sau”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 20 như sau:

“7. Mẫu biểu báo cáo: Mẫu biểu 01, 02, 03 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Phương thức gửi báo cáo: Cơ quan chủ quản báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bản điện tử qua Hệ thống văn bản và điều hành”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Kho bạc Nhà nước gửi Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với nguồn thu của ngân sách địa phương các báo cáo hàng quý, hằng năm như sau:”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Nội dung báo cáo số liệu hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước chi tiết từng chương trình, dự án, phi dự án gồm: Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, trị giá vốn viện trợ tiếp nhận trong kỳ và trị giá hạch toán ghi thu ghi chi NSNN trong kỳ.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“Báo cáo 06 tháng đầu năm từ 01/01 đến 30/06, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/7 hằng năm; Báo cáo 06 tháng cuối năm từ ngày 1/7 đến 31/12, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/2 năm sau; Báo cáo năm từ ngày 01/01 hằng năm đến 31/01 năm sau, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 28/02 năm sau.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Mẫu báo cáo: Mẫu biểu 02 Phụ lục 2 kèm theo Thông tư”.

18. Sửa đổi, bổ sung khổ đầu Điều 22 như sau:

“Định kỳ hằng tháng, trước ngày 05 của tháng tiếp theo, ngân hàng thương mại nơi chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ lập báo cáo về tình hình giao dịch thu, chi NSNN qua tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ trong tháng, gửi cơ quan chủ quản đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của

ngân sách trung ương, gửi ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ... tháng... năm...

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

3. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Thông tư 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

Bãi bỏ khoản 6 Điều 3; các điểm a, c khoản 2 Điều 12; các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 17; điểm b khoản 5 Điều 20 và khoản 6 Điều 22; Điều 24.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc, trên cơ sở phản ánh của các cơ quan, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.”

Nơi nhận:

- VPCP;
- VPTW Đảng;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán NN;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh TP;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

BỘ TÀI CHÍNH			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
			Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
			Hà Nội, ngày tháng năm 2026	
BAN TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC BỘ TÀI CHÍNH				
VỀ DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC NGÀY 06/4/2022 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGUỒN VIỆN TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI THUỘC NGUỒN THƯ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
Cục QLN đã có Văn bản số 3193/QLN-QLVT ngày 03/8/2026 đề nghị các đơn vị trong Bộ có ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Thông tư				
Tính đến hết ngày 17/8/2026, Cục QLN&KTĐN đã nhận được ý kiến góp ý của 08 đơn vị trong Bộ đối với Văn bản số 3193/QLN-QLVT.				
Các đơn vị cơ bản đều thống nhất với hồ sơ gửi xin ý kiến.				
Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Cục QLN&KTĐN đã tổng hợp các ý kiến góp ý và tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý như sau:				
ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Căn cứ xây dựng TT		Cục Thuế	Đề nghị sửa thành " <i>Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2027</i> ".	Tiếp thu
		Kho bạc Nhà nước	Đề nghị bổ sung <i>Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</i>	Tiếp thu
		Vụ Pháp chế	Đề nghị rà soát lại các văn bản được dẫn chiếu tại TT căn cứ khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định về viện dẫn văn bản.	Tiếp thu
Điều 2	Khoản 3	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán.	Rà soát lại khoản 3 Điều 2 theo bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư đề xuất bỏ đối tượng áp dụng là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, dự thảo vẫn giữ nguyên tên Điều 4 là nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính, ngân hàng thương mại và điểm d khoản 12 Điều 1 dự thảo Thông tư (sửa đổi điểm d Điều 23 Thông tư 23) và khoản 19 Điều 1 dự thảo Thông tư (sửa đổi Điều 22 TT23) tiếp tục quy định trách nhiệm của ngân hàng thương mại	Tiếp thu và điều chỉnh lại bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư theo hướng giữ nguyên trách nhiệm của ngân hàng thương mại, chỉ phân cấp báo cáo của các ngân hàng thương mại gửi chủ chương trình, dự án viện trợ và cơ quan chủ quản (thay vì gửi cơ quan tài chính như TT23).
Điều 4	Điểm b khoản 3	Kho bạc Nhà nước	Đề nghị sửa lại điểm b) " <i>Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án (đối với trường hợp tài khoản tiếp nhận viện trợ mở tại KBNN) và thực hiện việc xác nhận thanh toán (đối với vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ nguồn đầu tư công), giải ngân (đối với vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ nguồn chi thường xuyên mở tài khoản tiếp nhận viện trợ tại KBNN), hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.</i> "	Tiếp thu và điều chỉnh lại như sau: " <i>Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện việc xác nhận thanh toán vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ nguồn đầu tư công, giải ngân vốn viện trợ bố trí từ nguồn chi thường xuyên mở tài khoản tiếp nhận viện trợ tại Kho bạc Nhà nước, hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.</i> "
	Điểm c khoản 3.	Kho bạc Nhà nước	Đề nghị sửa lại như sau: " c).....việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công."	Tiếp thu và điều chỉnh lại như sau: "c).....việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

Điều 5	Khoản 4	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán.	Đề nghị cân nhắc quy định rõ về nội dung cơ quan chủ quản có nhiệm vụ "Tổ chức quản lý, hạch toán tài sản hình thành từ khoản viện trợ", vì cơ quan chủ quản chỉ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước, phê duyệt, chỉ đạo chung và kiểm tra, giám sát toàn diện khoản viện trợ, việc hạch toán kế toán tài sản được thực hiện tại đơn vị được giao tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản.	Tiếp thu, điều chỉnh lại theo hướng nhiệm vụ của cơ quan chủ quản "Tổ chức quản lý, xử lý các tài sản hình thành từ khoản viện trợ theo quy định" (Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14).
Điều 7	Khoản 1	Vụ Pháp chế	Đề nghị sửa khoản 1 Điều 7 như sau: "Mẫu biểu, trình tự lập..... Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan".	Tiếp thu và điều chỉnh lại như sau: "Mẫu biểu, trình tự lập..... Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan".
Điều 10	Khoản 1	KBNN	Đề nghị sửa như sau: "Sau khi kết thúc thời gian chính lý quyết toán NSNN, hính dự toán đối với số dự dự toán không được sử dụng và/hoặc chưa xác định nhiệm vụ chi cụ thể"	giữ nguyên, do nội dung kiến nghị sửa đổi không khác so với nội dung dự thảo của TT.
	Khoản 2	Vụ TC-KTN	Đề nghị Cục QL&KTĐN nghiên cứu, quy định nội dung chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan, vì các khoản dự toán được chuyển nguồn đã được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng	Tiếp thu, điều chỉnh lại như sau: "2. Việc chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan".
	Khoản 2	KBNN	Đề nghị điều chỉnh lại khoản 2 Điều 10.	Tiếp thu theo ý kiến của Vụ TC-KTN.
	Khoản 2	Cục Hải quan	Đề nghị làm rõ lý do sửa đổi từ "thẩm tra" tại khoản 2 thành "kiểm tra".	Tiếp thu ý kiến của Vụ TC-KTN.
Điều 11	Điểm a khoản 2	KBNN	Đề nghị sửa lại như sau: "Hạch toán thu NSNN: Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của bên tài trợ và thông báo của cơ quan tài chính, KBNN hạch toán thu ngân sách nhà nước theo nguyên tắc quy đổi ra đồng Việt Nam"	Tiếp thu.
Điều 12	Khoản 1	KBNN	Về việc mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ đề nghị sửa lại bỏ nội dung: "...đồng gửi KBNN thông tin về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ". Do theo quy định việc xác nhận thanh toán, hạch toán GTGC qua KBNN không yêu cầu hồ sơ về thông tin tiếp nhận vốn viện trợ.	Tiếp thu, điều chỉnh lại theo hướng: "Căn cứ Hiệp định viện trợ hoặc thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ, chủ chương trình, dự án, phi dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản, thông tin cơ quan chủ quản về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước".
	Điểm d khoản 2	Vụ Pháp chế	Đề nghị Cục QL&KTĐN bổ sung quy định trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính vì trách nhiệm của Sở Tài chính là kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ của ngân sách địa phương.	Tiếp thu, điều chỉnh sửa lại theo hướng "d) Đối với vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng, thương mại nhưng chưa chi và chưa được hạch toán thu, chi NSNN, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được khoản giải ngân của bên tài trợ, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm chứng từ ghi có vào tài khoản, gửi đến cơ quan chủ quản đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh để quản lý số vốn đã tiếp nhận".
	Điểm d khoản 2	KBNN	Đề nghị bỏ nội dung "Đối với khoản viện trợ chủ chương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận, chi tiêu nhưng chưa có dự toán, định kỳ hàng tháng hoặc theo ứng lán phát sinh, chủ dự án lập hồ sơ ghi thu ghi chi theo quy định pháp luật của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để Kho bạc tổng hợp, theo dõi" do KBNN không có căn cứ để theo dõi, tổng hợp các khoản này. Đối với khoản này, đề nghị chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản để theo dõi, tổng hợp.	Tiếp thu, điều chỉnh lại theo hướng "Đối với khoản viện trợ chủ chương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận, chi tiêu nhưng chưa có dự toán, định kỳ hàng tháng chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản để theo dõi, tổng hợp".
Điều 13	Khoản 1	KBNN	Đề nghị sửa lại tại Khoản 1, Điều 13 dẫn chiếu tới Nghị định số 119/2026/NĐ-CP là điểm c Khoản 41 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP.	Giữ nguyên, vì tham chiếu đến điểm c là hồ sơ hoàn thuế.

[illegible]

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026***BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC NGÀY 06/4/2022 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NƯỚC NGOÀI THUỘC NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Căn cứ Nghị định số 151/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Căn cứ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; <i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;</i> Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Căn cứ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP; Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; <i>Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ đã được giữ nguyên</i>	Cập nhật các văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (sau đây gọi chung là viện trợ) thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN), bao gồm: a) Viện trợ hỗ trợ ngân sách cho ngân sách trung ương hoặc cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là ngân sách cấp tỉnh). b) Viện trợ độc lập hoặc viện trợ kèm theo khoản vay cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương (bao gồm cả nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh), hoặc viện trợ trực tiếp cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh. c) Viện trợ phi dự án để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, bao gồm cả chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh, hoặc trực tiếp hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh. 2. Đối với các khoản chi do nhà tài trợ trực tiếp chi không có đủ hồ sơ, chứng từ để hạch toán NSNN và hạch toán tại đơn vị thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.	giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên	
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, phi dự án cơ quan tiếp nhận khoản viện trợ thuộc nguồn thu NSNN. 2. Cơ quan tài chính bao gồm: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan), Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 3. Ngân hàng thương mại nơi chủ khoản viện trợ, chủ chương trình, dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ. 4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện các khoản viện trợ.	giữ nguyên giữ nguyên 2. Cơ quan tài chính bao gồm: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan), Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. giữ nguyên	Cập nhật sau khi sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị.
Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với khoản viện trợ 1. Mọi khoản viện trợ đều phải được phân loại, quản lý, theo dõi và hạch toán theo từng phương thức tài trợ (chương trình, dự án hoặc phi dự án); tính chất khoản chi ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư, phát triển hoặc chi khác của NSNN), phương thức tổ chức thực hiện (bên tài trợ nước ngoài trực tiếp, hoặc ủy thác một tổ chức khác thực hiện hoặc chủ chương trình, chủ dự án bên Việt Nam thực hiện). 2. Vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu NSNN được dự toán, hạch toán đầy đủ, giữ nguyên kịp thời; quyết toán theo quy định về quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và quyết toán chi của chương trình, dự án, khoản viện trợ.	giữ nguyên giữ nguyên	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ của ngân sách địa phương.	giữ nguyên	Phân cấp phân quyền cho chủ dự án, tăng cường giám sát của cơ quan tài chính
b) Thẩm định quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách cấp tỉnh.	b) Kiểm tra quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách cấp tỉnh.	Cập nhật để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Luật
c) Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư này.	giữ nguyên	
3. Kho bạc Nhà nước	giữ nguyên	
a) Mở tài khoản viện trợ cho các cơ quan đơn vị tiếp nhận viện trợ.	giữ nguyên	
b) Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án và thực hiện việc kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.	b) Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện việc xác nhận thanh toán vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ nguồn đầu tư công, giải ngân vốn viện trợ bố trí từ nguồn chi thường xuyên mở tài khoản tiếp nhận viện trợ tại Kho bạc Nhà nước, hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.	Phù hợp với quy định của Luật NSNN, bỏ kiểm soát chi.
c) Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này. Đối với viện trợ theo cơ chế tài chính trong nước, việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.	c) Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này. Đối với viện trợ theo cơ chế tài chính trong nước, việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.	Cập nhật Thông tư thay thế.
4. Cơ quan hải quan	giữ nguyên	
a) Thực hiện kiểm tra, thông quan hàng hóa viện trợ theo quy định.		
b) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.		
5. Ngân hàng thương mại	giữ nguyên	
Ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thực hiện việc giải ngân nguồn vốn viện trợ và cung cấp thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.		
Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản	giữ nguyên	
1. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính đối với vốn viện trợ theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.	giữ nguyên	
2. Lập và tổng hợp kế hoạch tài chính đối với viện trợ nước ngoài của các đơn vị thuộc và trực thuộc vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; thực hiện giao dự toán ngân sách nhà nước nguồn viện trợ cho các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định.	giữ nguyên	
3. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán nguồn viện trợ nước ngoài của ngân sách nhà nước hằng năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới; tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn viện trợ hằng năm theo quy định.	3. Xét duyệt quyết toán nguồn viện trợ nước ngoài của ngân sách nhà nước hằng năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới; tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn viện trợ hằng năm theo quy định.	Phù hợp khoản 1 Điều 69 Luật NSNN

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
4. Thẩm tra, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chương trình, dự án, khoản viện trợ hoàn thành theo quy định về quyết toán chương trình, dự án, quyết toán khoản viện trợ; tổ chức quản lý, hạch toán tài sản hình thành từ khoản viện trợ; chương trình, dự án viện trợ theo quy định.	4. Xét duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chương trình, dự án, khoản viện trợ hoàn thành theo quy định về quyết toán chương trình, dự án, quyết toán khoản viện trợ; tổ chức quản lý, xử lý tài sản hình thành từ khoản viện trợ, chương trình, dự án viện trợ theo quy định.	Phù hợp khoản 1 Điều 69 Luật NSNN và Điều 17 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.
5. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý tài chính của khoản viện trợ, chương trình, dự án viện trợ theo quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính chính xác trong các báo cáo này.	giữ nguyên	
6. Thực hiện gửi Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh bản sao quyết định phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án viện trợ, Thỏa thuận viện trợ/Hiệp định viện trợ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi lưu hành các văn bản này.	giữ nguyên	
Điều 6. Trách nhiệm của chủ khoản viện trợ, chủ chương trình, dự án viện trợ	giữ nguyên	
1. Chấp hành các quy định về chế độ quản lý tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư này.	giữ nguyên	
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tiếp nhận các khoản viện trợ, việc thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ theo đúng quy định của pháp luật, hiệp định, thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt khoản viện trợ hoặc quyết định phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án viện trợ của cấp có thẩm quyền.	giữ nguyên	
3. Xây dựng dự toán thu, chi vốn viện trợ hằng năm, 03 năm và 05 năm trình cơ quan chủ quản để tổng hợp và thực hiện dự toán thu, chi vốn viện trợ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.	3. Xây dựng dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm và 05 năm, trung hạn trình cơ quan chủ quản để tổng hợp và thực hiện dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.	Phù hợp với Luật NSNN, bỏ kế hoạch tài chính 3 năm.
4. Lập báo cáo quyết toán khoản viện trợ, báo cáo quyết toán chương trình, dự án, phi dự án viện trợ hằng năm và khi hoàn thành theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.	giữ nguyên	
5. Báo cáo cơ quan chủ quản đầy đủ, kịp thời về tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn viện trợ theo quy định.	giữ nguyên	
6. Lập báo cáo, hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với nguồn vốn viện trợ tiếp nhận và sử dụng. Lập báo cáo quyết toán viện trợ hằng năm và báo cáo quyết toán khoản viện trợ, báo cáo quyết toán chương trình, dự án, phi dự án viện trợ hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước và quyết toán chương trình, dự án, phi dự án quyết toán khoản viện trợ.	giữ nguyên	
7. Tổ chức quản lý tài sản tiếp nhận và/hoặc hình thành từ chương trình, dự án viện trợ; hạch toán tài sản tại đơn vị tiếp nhận theo quy định.	giữ nguyên	
Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ	giữ nguyên	
Mục 1. KẾ HOẠCH THU CHI NSNN, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VỐN VIỆN TRỢ VÀ DỰ TOÁN VỐN VIỆN TRỢ.	giữ nguyên	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
Điều 7. Kế hoạch thu chi NSNN từ nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án, phi dự án	Điều 7. Dự toán thu chi NSNN, Kế hoạch vốn từ nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án, phi dự án	
1. Kế hoạch thu chi NSNN từ nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án là một bộ phận thuộc kế hoạch thu chi ngân sách nhà nước, bao gồm: Kế hoạch tài chính ngân sách giai đoạn 05 năm, 03 năm và dự toán thu chi NSNN hằng năm.	1. Dự toán thu chi ngân sách nhà nước/kế hoạch vốn nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án là một bộ phận thuộc Kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm, Kế hoạch đầu tư công 05 năm và dự toán thu chi NSNN hằng năm, kế hoạch vốn NSNN hằng năm.	Phù hợp với quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.
2. Mẫu biểu, trình tự lập, phê duyệt Kế hoạch thu chi NSNN 05 năm, 03 năm từ nguồn vốn viện trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.	2. Mẫu biểu, trình tự lập, phê duyệt dự toán thu chi NSNN 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm từ nguồn vốn viện trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.	Phù hợp quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.
Điều 8. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ của chương trình, dự án, phi dự án	giữ nguyên	
1. Hằng năm, chủ chương trình, dự án (trừ chủ chương trình, dự án là hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước) lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ cho các chương trình, dự án, phi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sẽ triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.	giữ nguyên	
2. Căn cứ lập kế hoạch là thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt khoản viện trợ hoặc quyết định phê duyệt chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ của cấp có thẩm quyền.	giữ nguyên	
3. Nội dung kế hoạch tài chính bao gồm:	giữ nguyên	
a) Phương thức triển khai khoản viện trợ hoặc triển khai chương trình, dự án, phi dự án viện trợ.	giữ nguyên	
b) Kế hoạch rút vốn, phương thức rút vốn từ bên tài trợ.	giữ nguyên	
c) Kế hoạch sử dụng vốn viện trợ và hạch toán ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
4. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ được xây dựng cùng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm và gửi cơ quan chủ quản để phê duyệt để gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương, gửi Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh để phối hợp quản lý tài chính các khoản viện trợ, các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ khi chưa hạch toán, quyết toán vào ngân sách nhà nước.	4. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ được xây dựng cùng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm hoặc kế hoạch vốn hằng năm và gửi cơ quan chủ quản để phê duyệt.	
Điều 9. Dự toán thu, chi NSNN hằng năm từ nguồn vốn viện trợ	Điều 9. Dự toán thu, chi NSNN hằng năm và kế hoạch đầu tư công hằng năm từ nguồn vốn viện trợ	
1. Nội dung đề xuất bố trí dự toán do cơ quan chủ quản lập:	1. Việc lập dự toán thu, chi vốn viện trợ và kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.	Quy trình xây dựng dự toán thu, chi vốn viện trợ (chi đầu tư, chi thường xuyên) đã được quy định trong Luật NSNN, Luật Đầu tư công. Do vậy, việc lập dự toán thu, chi viện trợ thực hiện theo quy

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
a) Kế hoạch giải ngân vốn viện trợ của từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, bao gồm chương trình, dự án, khoản viện trợ phát sinh trong năm và chương trình, dự án, khoản viện trợ chuyển tiếp từ năm trước sang.	bỏ	
b) Đối với các chương trình, dự án, khoản viện trợ kéo dài nhiều năm, nêu rõ tổng mức vốn viện trợ được phê duyệt, lũy kế số vốn viện trợ dự kiến thực hiện đến đầu kỳ năm dự toán, tiến độ thực hiện của chương trình, dự án, khoản viện trợ trong năm dự toán.	bỏ	
c) Nguồn và cơ cấu dự toán gồm chi thường xuyên, chi đầu tư công, chi đầu tư vốn cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc chi khác; tách theo nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương (bao gồm cả chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh), nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh từ nguồn viện trợ.	bỏ	
d) Đánh giá khả năng thực hiện dự toán: thuyết minh chi tiết theo từng khoản viện trợ, từng chương trình, dự án; tổng số vốn viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số vốn đã giải ngân lũy kế đến đầu kỳ giải đoạn dự toán, số vốn chưa giải ngân, dự kiến các hoạt động và kinh phí cần chi tiêu trong kỳ dự toán; đánh giá kết quả thực hiện dự toán được giao của 02 năm gần nhất đối với các chương trình, dự án có thời gian thực hiện trên 02 năm tính đến năm dự toán; đánh giá tiến độ dự kiến của chương trình, dự án năm dự toán.	bỏ	
2. Cơ quan tổng hợp dự toán:	bỏ	
a) Đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương, cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đối với khoản chi đầu tư, gửi Bộ Tài chính tổng hợp đối với khoản chi thường xuyên và chi khác (nếu có) để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách trung ương theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	bỏ	
b) Đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh, cơ quan chủ quản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đối với khoản chi đầu tư, gửi Sở Tài chính tổng hợp đối với khoản chi còn lại để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	bỏ	
3. Sau khi dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc đến từng chương trình, dự án đảm bảo trong phạm vi tổng dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao, gửi Bộ Tài chính (vốn chi thường xuyên), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (vốn chi đầu tư) đối với khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương; gửi Sở Tài chính (vốn viện trợ chi thường xuyên), Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn viện trợ chi đầu tư) đối với khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh để theo dõi, quản lý.	bỏ	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
4. Đối với các khoản viện trợ phát sinh sau thời điểm trình dự toán, căn cứ khả năng thực hiện chi ngân sách nhà nước, cơ quan chủ quản lập dự toán bổ sung gửi cơ quan tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để làm cơ sở hạch toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.	bỏ	
5. Việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước vốn viện trợ phải đảm bảo khả năng thực hiện của chủ chương trình, dự án, phí dự án.	5. Việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước vốn viện trợ hay điều chỉnh kế hoạch vốn phải đảm bảo khả năng thực hiện của chủ chương trình, dự án, phí dự án.	Đảm bảo nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung dự toán vốn viện trợ.
6. Đối với các khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật hoặc công trình chia khóa trao tay do bên cung cấp viện trợ thực hiện tại Việt Nam và bàn giao cho cơ quan tiếp nhận phía Việt Nam, trường hợp tại thời điểm tiếp nhận bàn giao hàng hóa, hiện vật, công trình chưa có dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản của khoản viện trợ lập đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện việc hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.	6. Đối với các khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật hoặc công trình chia khóa trao tay do bên cung cấp viện trợ thực hiện tại Việt Nam và bàn giao cho cơ quan tiếp nhận phía Việt Nam, trường hợp tại thời điểm tiếp nhận bàn giao hàng hóa, hiện vật, công trình chưa có dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản của khoản viện trợ lập đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thực hiện việc hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.	
Điều 10. Hủy dự toán hoặc chuyển nguồn dự toán	giữ nguyên	
1. Hủy dự toán đối với số dự toán không sử dụng và/hoặc chưa xác định nhiệm vụ chi cụ thể sau khi kết thúc thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
2. Đối với khoản dự toán vốn viện trợ đã xác định nhiệm vụ chi cụ thể, đã tổ chức thực hiện nhưng chưa hoàn thành trong năm dự toán, đủ điều kiện được chuyển nguồn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước:	2. Việc chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.	
Bộ Tài chính xác nhận số dự toán được chuyển nguồn đối với dự toán chi ngân sách trung ương, Sở Tài chính xác nhận số dự toán được chuyển nguồn đối với dự toán chi của ngân sách cấp tỉnh của các chương trình, dự án để làm cơ sở thực hiện dự toán, thẩm tra và quyết toán chi ngân sách nhà nước.	Bỏ	Cập nhật, phù hợp điểm b khoản 1 Điều 70 Luật NSNN.
Mục 2. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THEO HÌNH THỨC VIỆN TRỢ	giữ nguyên	
Điều 11. Viện trợ bằng tiền hỗ trợ ngân sách	giữ nguyên	
1. Việc giải ngân và thanh toán vốn viện trợ bằng tiền hỗ trợ ngân sách	giữ nguyên	
a) Căn cứ hiệp định, thỏa thuận viện trợ, Bộ Tài chính phối hợp với bên tài trợ giải ngân vốn viện trợ về ngân sách nhà nước, chuyển ngoại tệ về Quỹ ngoại tệ tập trung của	giữ nguyên	
b) Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, sau khi vốn viện trợ được giải ngân về ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho chương trình, dự án cụ thể, căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được phê duyệt, quyết định phê duyệt chương trình, dự án và tiến độ thực hiện chương trình, dự án cụ thể, chủ chương trình, dự án thực hiện rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý chi ngân sách nhà nước.	b) Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi vốn viện trợ được giải ngân về ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho chương trình, dự án cụ thể, căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được phê duyệt, quyết định phê duyệt chương trình, dự án và tiến độ thực hiện chương trình, dự án cụ thể, chủ chương trình, dự án thực hiện rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý chi ngân sách nhà nước.	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.
2. Hạch toán ngân sách nhà nước đối với khoản viện trợ bằng tiền hỗ trợ ngân sách nhà nước	giữ nguyên	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
a) Hạch toán thu NSNN: Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của bên tài trợ và thông báo của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam.	a) Hạch toán thu NSNN: Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của bên tài trợ và thông báo của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước theo nguyên tệ quy đổi ra đồng Việt Nam	Tiếp thu ý kiến của KBNN.
b) Hạch toán chi NSNN: Việc chi và hạch toán chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
Điều 12. Viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án, phi dự án do chủ chương trình, dự án bên Việt Nam thực hiện	giữ nguyên	
1. Mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ	giữ nguyên	
Căn cứ thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ, chủ chương trình, dự án, phi dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản, báo cáo Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh, đồng gửi Kho bạc Nhà nước thông tin về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ.	Căn cứ <i>Hiệp định viện trợ</i> hoặc thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ, chủ chương trình, dự án, phi dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản, <i>thông tin cơ quan chủ quản về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.</i>	Bổ sung Hiệp định viện trợ phù hợp với Luật Điều ước quốc tế và thông tin số tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ cho cơ quan chủ quản (thay vì Bộ Tài chính, Sở Tài chính) để đảm
2. Kiểm soát chi, giải ngân và hạch toán vốn viện trợ	2. Giải ngân, hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ	Bổ kiểm soát chi, phù hợp quy định của Luật
a) Kiểm soát chi	bỏ	
Chủ chương trình, dự án, phi dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước nơi đăng ký đối với từng khoản chi ra từ nguồn vốn viện trợ theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục kiểm soát chi thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.	bỏ	
b) Giải ngân vốn viện trợ	b) Giải ngân, hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ	
Việc giải ngân vốn viện trợ từ tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án của cấp có thẩm quyền, dự toán chi NSNN; tiến độ thực hiện chương trình, dự án và xác nhận kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.	Việc giải ngân, hạch toán vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3 và 4 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam hoặc quy định tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài.	Phù hợp với quy định tại Nghị định số 242/2025/NĐ-CP và Nghị định số 313/2026/NĐ-CP.
Đối với khoản chi từ nguồn vốn viện trợ không được Kho bạc Nhà nước xác nhận kiểm soát chi, chủ chương trình, dự án, phi dự án hoàn lại vốn vào tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ.	Bỏ	Bỏ kiểm soát chi, phù hợp quy định của Luật NSNN.
c) Hạch toán vốn viện trợ vào ngân sách nhà nước	bỏ	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
Hàng tháng hoặc theo từng lần phát sinh khoản chi từ tài khoản vốn viện trợ, trên cơ sở kiểm soát chi, hồ sơ ghi thu ghi chi theo quy định pháp luật của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước của chủ chương trình, dự án, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán thu, chi ngân sách trung ương hoặc ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước theo quy định về căn cứ cơ quan tiếp nhận viện khoản viện trợ.	bỏ	
Trường hợp các khoản viện trợ ODA có cơ quan chủ quản là UBND cấp tỉnh, thực hiện hạch toán thu viện trợ của ngân sách trung ương và hạch toán chi ngân sách trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh. Đồng thời hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương và hạch toán chi cho chương trình, dự án.	giữ nguyên	
đ) Đối với vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại nhưng chưa chi và chưa được hạch toán thu, chi NSNN, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được khoản giải ngân của bên tài trợ, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm chứng từ ghi có vào tài khoản, gửi đến Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh để Kho bạc Nhà nước thực hiện theo dõi về số đã nhận viện trợ của chủ chương trình, dự án và để cơ quan tài chính thống kê. Đồng thời chủ chương trình, dự án thông báo với cơ quan chủ quản để quản lý số vốn đã tiếp nhận.	đ) Đối với vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại nhưng chưa chi và chưa được hạch toán thu, chi NSNN, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được khoản giải ngân của bên tài trợ, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm chứng từ ghi có vào tài khoản, gửi đến cơ quan chủ quản đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh để quản lý số vốn đã tiếp nhận. Đối với khoản viện trợ chủ chương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận, chi tiêu nhưng chưa có dự toán, định kỳ hàng tháng chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản để theo dõi, tổng hợp.	Phân cấp, phân quyền cho cơ quan chủ quản và địa phương trong quản lý tiếp nhận vốn viện trợ.
Trường hợp chủ chương trình, dự án đã nhận tiền viện trợ nhưng chưa thông báo cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thì Kho bạc Nhà nước không thực hiện kiểm soát chi cho chương trình, dự án.	bỏ	Bỏ kiểm soát chi, phù hợp quy định của Luật NSNN.
đ) Hàng tháng, ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước mở tài khoản gửi sao kê tài khoản cho chủ chương trình, dự án đồng gửi Kho bạc Nhà nước để phối hợp quản lý.	đ) Hàng tháng, ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước mở tài khoản gửi sao kê tài khoản cho chủ chương trình, dự án đồng gửi cơ quan chủ quản để phối hợp quản lý.	Phân cấp, phân quyền cho cơ quan chủ quản.
3. Trường hợp chủ chương trình, dự án là các doanh nghiệp nhà nước, việc hạch toán được thực hiện như sau:	3. Trường hợp chủ chương trình, dự án là các doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vốn viện trợ bằng tiền theo phương thức phía Việt Nam trực tiếp thực hiện, việc hạch toán được thực hiện như sau:	Bổ sung làm rõ việc doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vốn viện trợ bằng tiền.
a) Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và Luật số 69/2014/QH13 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	a) Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Cập nhật theo Luật mới.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	giữ nguyên	
b) Đối với một số khoản chi khác đủ điều kiện thực hiện theo quy định, hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
Điều 13. Viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm khoản viện trợ do bên tài trợ trực tiếp thực hiện tại Việt Nam theo phương thức chia khóa trao tay	Điều 13. Viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm khoản viện trợ do bên tài trợ trực tiếp thực hiện tại Việt Nam hoặc phương thức chia khóa trao tay	
1. Việc hạch toán ngân sách được thực hiện theo các quy định tại khoản 4 Điều 24 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; khoản 3 Điều 90 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; và khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ, hồ sơ hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu cho bên Việt Nam bao gồm vận đơn, hóa đơn, biên bản bàn giao và hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận viện trợ.	1. Việc hạch toán ngân sách được thực hiện theo các quy định tại khoản 3, 4 Điều 90 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, điểm d khoản 41 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài; quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ, hồ sơ hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu cho bên Việt Nam bao gồm vận đơn, hóa đơn, biên bản bàn giao và hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận viện trợ.	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật.
2. Đối với các khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ do bên tài trợ nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho một đơn vị không phải chủ chương trình, dự án, phi dự án tại Việt Nam và khoản viện trợ theo phương thức chia khóa trao tay: Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm trong việc xác định giá trị hiện vật, hàng hóa, dịch vụ viện trợ của bên nước ngoài.	2. Đối với các khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa do bên tài trợ nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho một đơn vị không phải chủ chương trình, dự án, phi dự án tại Việt Nam thực hiện hoặc khoản viện trợ theo phương thức chia khóa trao tay: Sau khi nhà tài trợ bàn giao hiện vật, hàng hóa hoặc bàn giao hiện vật, hàng hóa, công trình hoàn thành cho phía Việt Nam, chủ dự án chịu trách nhiệm tập hợp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa, hiện vật hoặc công trình, xác định giá trị báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, quyết định để thực hiện bổ sung dự toán, hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định.	Làm rõ nội dung về chia khóa trao tay.
Mục 3. TỶ GIÁ HẠCH TOÁN, ĐIỀU CHỈNH HẠCH TOÁN, ĐỊNH MỨC CHI TIÊU	Mục 3. TỶ GIÁ HẠCH TOÁN, ĐIỀU CHỈNH HẠCH TOÁN, ĐỊNH MỨC CHI TIÊU	
Điều 14. Tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước	Điều 14. Tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án áp dụng tỷ giá theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.	1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án áp dụng tỷ giá theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.	Cập nhật Nghị định số 242/2025/NĐ-CP.
2. Đối với khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) công bố tại thời điểm hạch toán khoản viện trợ.	giữ nguyên	
Điều 15. Điều chỉnh hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước	giữ nguyên	
Đối với các sai sót trong quá trình hạch toán thu, chi NSNN, thực hiện điều chỉnh hạch toán NSNN theo quy định của pháp luật về NSNN. Về niên độ điều chỉnh hạch toán:	giữ nguyên	
1. Các khoản thu, chi chưa được quyết toán NSNN được điều chỉnh vào năm hạch toán.	giữ nguyên	
2. Các khoản thu, chi đã được quyết toán NSNN được điều chỉnh vào năm hiện tại.	giữ nguyên	
Điều 16. Định mức chi tiêu	giữ nguyên	
1. Định mức chi tiêu nguồn vốn đối ứng: áp dụng theo các quy định pháp luật về quản lý chi ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
2. Định mức chi tiêu nguồn vốn viện trợ:	giữ nguyên	
a) Việc chi tiêu từ nguồn vốn viện trợ áp dụng các định mức chi theo quy định của bên tài trợ, hoặc được quy định tại điều ước, thoả thuận quốc tế.	giữ nguyên	
b) Đối với các khoản chi đặc thù, trường hợp không có quy định của bên tài trợ và không có quy định tại điều ước, thoả thuận quốc tế và quy định của pháp luật về định mức chi, cơ quan chủ quản xây dựng định mức chi, lấy ý kiến không phản đối của bên tài trợ và thống nhất với Bộ Tài chính để quyết định và thực hiện.	giữ nguyên	
c) Đối với các khoản chi không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này thì thực hiện theo định mức chi trong nước.	giữ nguyên	
Mục 4. QUẢN LÝ TÀI SẢN	giữ nguyên	
Điều 17. Quản lý tài sản viện trợ	giữ nguyên	
1. Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc phạm vi NSNN (trừ tài sản tại khoản 2 Điều này) thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.	giữ nguyên	Tài sản của dự án viện trợ thuộc nguồn thu NSNN là tài sản công. Do vậy, thực hiện theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. Luật Quản lý tài sản công đã quy định chi tiết và toàn diện.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
a) Trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, phí dự án viện trợ, cơ quan chủ quản và chủ chương trình, dự án, phí dự án có trách nhiệm hạch toán ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản của chương trình, dự án, phí dự án theo quy định của pháp luật về tài sản công.	bỏ	
b) Khi kết thúc chương trình, dự án viện trợ, cơ quan chủ quản chỉ đạo chủ chương trình, dự án, phí dự án viện trợ bàn giao tài sản cho đơn vị khai thác, vận hành tài sản theo quy định của Hiệp định viện trợ/Thỏa thuận viện trợ, văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật liên quan.	bỏ	
c) Việc xử lý tài sản hình thành từ nguồn viện trợ của chương trình, dự án, phí dự án viện trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.	bỏ	
d) Các cơ quan đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm hạch toán vào ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và sử dụng đúng mục đích, tiếp nhận tài sản theo quy định.	bỏ	
2. Đối với tài sản được hình thành từ nguồn vốn viện trợ thuộc diện NSNN đầu tư hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 hoặc điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước và Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.	2. Đối với tài sản được hình thành từ nguồn vốn viện trợ thuộc diện NSNN đầu tư hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 hoặc điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.	Cập nhật pháp luật.
3. Đối với tài sản hình thành từ vốn viện trợ hàng hóa, hiện vật được bên tài trợ mua sắm và cung cấp cho bên Việt Nam, hoặc bên nước ngoài thực hiện tại Việt Nam và bàn giao tài sản, kết quả cho bên Việt Nam, đơn vị tiếp nhận phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện việc hạch toán thu, chi NSNN; đồng thời hạch toán tăng tài sản tại đơn vị theo quy định.	giữ nguyên	
Mục 5. QUYẾT TOÁN VÀ KIỂM TOÁN	giữ nguyên	
Điều 18. Quyết toán vốn viện trợ nguồn ngân sách nhà nước và quyết toán chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ	giữ nguyên	
1. Việc quyết toán kinh phí NSNN nguồn vốn viện trợ hằng năm được thực hiện căn cứ:	giữ nguyên	

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
a) Dự toán thu, chi NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định.	a) Dự toán thu, chi NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với khoản viện trợ đã chi tiêu nhưng chưa có dự toán, trước khi thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, chủ dự án có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan báo cáo cơ quan chủ quản để cơ quan chủ quản cân đối trong phạm vi dự toán đã được giao trong năm để thực hiện quyết toán theo quy định. Trường hợp cần bổ sung dự toán, cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về số dự toán bổ sung, có công văn gửi Bộ Tài chính chậm nhất ngày 01 tháng 10 năm ngân sách, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện bổ sung dự toán để thực hiện quyết toán theo quy định.	Đảm bảo quy định của khoản 4 Điều 67 Luật NSNN: Chỉ từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân".
b) Bộ Tài chính thực hiện quyết toán trong phạm vi dự toán được giao theo số hạch toán NSNN của Kho bạc Nhà nước trên cơ sở biên bản thẩm định/xét duyệt quyết toán ngân sách với cơ quan chủ quản.	b) Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp 1 cùng cấp về tính đầy đủ, khớp đúng giữa số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước.	Cập nhật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Luật NSNN.
c) Số dư dự toán không sử dụng đến hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước được hủy, trừ số được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nguồn theo quy định.	giữ nguyên	
d) Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với đơn vị dự toán cấp dưới theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.	giữ nguyên	
2. Việc quyết toán chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán kinh phí chương trình, dự án, phí dự án.	giữ nguyên	
3. Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.	3. Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quyết toán vốn đầu tư dự án và Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án.	Cập nhật văn bản pháp lý thay thế
Điều 19. Kiểm toán	giữ nguyên	
1. Kiểm toán dự án viện trợ được thực hiện căn cứ quy định tại thỏa thuận viện trợ và quy định của pháp luật Việt Nam.	giữ nguyên	
2. Trường hợp kiểm toán độc lập: Chủ dự án có trách nhiệm gửi, hoặc đề nghị nhà tài trợ gửi các báo cáo kiểm toán độc lập hàng năm hoặc kiểm toán theo chuyên đề cho cơ quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi quản lý và phục vụ cho việc thanh quyết toán nguồn vốn viện trợ của dự án.	giữ nguyên	
Mục 6. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	Mục 6. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	
Điều 20. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận vốn viện trợ của cơ quan chủ quản	giữ nguyên	
1. Các loại báo cáo:	giữ nguyên	
a) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng tiền định kỳ hằng tháng, 06 tháng và hằng năm.	a) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng tiền định kỳ hằng quý và hằng năm.	Bỏ hằng tháng để giảm gánh nặng báo cáo.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
b) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng hàng, dịch vụ định kỳ hằng tháng, 06 tháng và hằng năm.	b) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng hàng, dịch vụ định kỳ hằng quý và hằng năm.	
c) Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu chi chi vốn viện trợ định kỳ hằng tháng, 06 tháng và hằng năm.	c) Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu chi chi vốn viện trợ định kỳ hằng quý và hằng năm.	
2. Nội dung báo cáo:	giữ nguyên	
a) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng tiền chi tiết theo danh mục từng chương trình, dự án, phi dự án và theo từng nguồn vốn. Nội dung gồm: số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ; số vốn đã tiếp nhận trong kỳ; số vốn sử dụng trong kỳ, số dư cuối kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ.	giữ nguyên	
b) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng viện trợ bằng hàng, dịch vụ chi tiết theo danh mục từng khoản viện trợ bằng hàng, dịch vụ và theo từng nguồn vốn. Nội dung gồm: số lượng, chủng loại, trị giá hàng hóa, dịch vụ được phép tiếp nhận; số lượng, chủng loại, trị giá hàng hóa, dịch vụ đã tiếp nhận trong kỳ; trị giá chưa tiếp nhận đến cuối kỳ.	giữ nguyên	
c) Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ chi tiết theo danh mục từng chương trình, dự án, phi dự án và theo từng nguồn vốn. Nội dung gồm: số vốn viện trợ đã hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước trong kỳ, số đã sử dụng nhưng chưa hạch toán ghi thu ghi chi NSNN.	giữ nguyên	
3. Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ quan chủ quản của chương trình, dự án, phi dự án viện trợ.	giữ nguyên	
4. Cơ quan nhận báo cáo:	giữ nguyên	
a) Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương.	giữ nguyên	
b) Sở Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương.	giữ nguyên	
5. Thời điểm chốt số liệu báo cáo:	giữ nguyên	
a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 hằng tháng đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.	a) Báo cáo định kỳ hằng quý: Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.	Sửa báo cáo theo định kỳ hằng quý.
b) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 01/7 đến ngày 31/12 kỳ báo cáo.	bỏ	
c) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 01 năm sau.	giữ nguyên	
6. Thời hạn gửi báo cáo:		
a) Báo cáo tháng được gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo.	a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.	Cập nhật thống nhất điểm a khoản 5.
b) Đối với báo cáo 06 tháng và hằng năm, báo cáo gửi chậm nhất vào ngày 31/7 đối với kỳ báo cáo từ ngày 01/1 đến ngày 30/6 hằng năm, 15/2 năm sau đối với kỳ báo cáo từ ngày 1/7 đến 31/12 hằng năm và ngày 28/02 năm sau đối với kỳ báo cáo từ ngày 01/1 đến ngày 31/1 năm sau.	b) Đối với báo cáo hằng năm, báo cáo gửi chậm nhất vào ngày 18/2 năm sau đối với kỳ báo cáo từ ngày 01/1 đến ngày 31/1 năm sau.	
7. Mẫu biểu báo cáo: Mẫu biểu 01, 02, 03 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.	Bỏ hằng tháng.	Sửa mẫu biểu bỏ hằng tháng.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
8. Phương thức gửi báo cáo: Cơ quan chủ quản báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu báo cáo của Bộ Tài chính) hoặc bản điện tử (qua Hệ thống văn bản và Điều hành/Hệ thống thư điện tử theo địa chỉ taichinhdoingoi@mof.gov.vn). Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương (đối với cơ quan chưa thực hiện tiếp nhận và gửi văn bản điện tử), báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Điều 21. Chế độ báo cáo của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước. 1. Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính báo cáo về tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ 6 tháng, hằng năm thuộc phạm vi ngân sách địa phương. a) Nội dung báo cáo số liệu chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn viện trợ không thuộc nguồn hỗ trợ phát triển chính thức) gồm: Số vốn viện trợ tiếp nhận trong kỳ, số sử dụng trong kỳ; số hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách địa phương trong kỳ. b) Thời điểm chốt số liệu báo cáo và thời hạn báo cáo: Báo cáo 06 tháng đầu năm từ ngày 1/1 đến 30/6 hằng năm, thời hạn báo cáo muộn nhất vào ngày 10/8 hằng năm; báo cáo 06 tháng cuối năm từ ngày 1/7 đến 31/12, muộn nhất vào ngày 15/2 và báo cáo hằng năm từ ngày 1/1 năm báo cáo đến ngày 31/1 năm sau, thời hạn báo cáo muộn nhất vào ngày 10/3 năm sau. c) Mẫu biểu báo cáo: Mẫu biểu 01 Phụ lục 2 kèm theo Thông tư. d) Phương thức gửi báo cáo: Sở Tài chính báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, Sở Tài chính báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản điện tử (qua Hệ thống văn bản và Điều hành/Hệ thống thư điện tử theo địa chỉ taichinhdoingoi@mof.gov.vn). 2. Kho bạc Nhà nước gửi Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với nguồn thu của ngân sách địa phương các báo cáo hằng tháng, 06 tháng và hằng năm như sau: a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN. b) Nội dung báo cáo số liệu kiểm soát chi và hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước chi tiết từng chương trình, dự án, phi dự án gồm: Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, trị giá vốn viện trợ tiếp nhận trong kỳ, trị giá kiểm soát chi trong kỳ, trị giá hạch toán ghi thu ghi chi NSNN trong kỳ. c) Thời điểm chốt số liệu báo cáo và thời hạn báo cáo: Báo cáo hằng tháng từ ngày mùng 1 hằng tháng đến ngày cuối cùng của tháng, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 05 của tháng tiếp theo; Báo cáo 06 tháng đầu năm từ 01/01 đến 30/06, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/7 hằng năm; Báo cáo 06 tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 25 của tháng cuối năm từ ngày 1/7 đến 31/12, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/2 kỳ báo cáo; Báo cáo năm từ ngày 01/01 hằng năm đến 31/01 năm sau, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 28/02 năm sau.	8. Phương thức gửi báo cáo: Cơ quan chủ quản báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu báo cáo của Bộ Tài chính) hoặc bản điện tử (qua Hệ thống văn bản và Điều hành/Hệ thống thư điện tử theo địa chỉ taichinhdoingoi@mof.gov.vn). giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên 2. Kho bạc Nhà nước gửi Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với nguồn thu của ngân sách địa phương các báo cáo hằng quý hằng năm như sau: giữ nguyên b) Nội dung báo cáo số liệu hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước chi tiết từng chương trình, dự án, phi dự án gồm: Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, trị giá vốn viện trợ tiếp nhận trong kỳ và trị giá hạch toán ghi thu ghi chi NSNN trong kỳ. giữ nguyên Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng tiếp theo; Báo cáo 06 tháng đầu năm từ 01/01 đến 30/06, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/7 hằng năm; Báo cáo 06 tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 25 của tháng cuối năm từ ngày 1/7 đến 31/12, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 15/2 kỳ báo cáo; Báo cáo năm từ ngày 01/01 hằng năm đến 31/01 năm sau, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 28/02 năm sau.	Bổ kiểm soát chi, phù hợp với quy định của Luật NSNN.

THÔNG TƯ SỐ 23/2022/TT-BTC	Dự thảo Thông tư mới	THUYẾT MINH
d) Mẫu báo cáo: Mẫu biểu 02 Phụ lục 2 kèm theo Thông tư. đ) Phương thức gửi báo cáo: Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương, Kho bạc Nhà nước báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan thực hiện báo cáo bằng bản giấy (gửi trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản điện tử (qua Hệ thống văn bản và Điều hành/Hệ thống thư điện tử theo địa chỉ taichinhdoingoai@mof.gov.vn). Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương, Kho bạc Nhà nước địa phương (đối với cơ quan chưa thực hiện tiếp nhận và gửi văn bản điện tử) báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Điều 22. Chế độ báo cáo về nguồn vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước qua tài khoản ngân hàng Định kỳ hằng tháng, trước ngày 05 của tháng tiếp theo, ngân hàng thương mại nơi chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ lập báo cáo về tình hình giao dịch thu, chi NSNN qua tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ trong tháng, gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách trung ương, gửi Sở Tài chính đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh. 1. Tên báo cáo: Báo cáo về tình hình giao dịch thu, chi NSNN qua tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ định kỳ hằng tháng. 2. Nội dung báo cáo: số vốn viện trợ dư đầu kỳ, số phát sinh tăng trong kỳ, số phát sinh giảm trong kỳ, số dư cuối kỳ, chi tiết theo từng tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, theo nguyên tệ tiếp nhận và quy đổi ra USD, tiền Việt Nam đồng tương đương theo tỷ giá mua nguyên tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. 3. Thời điểm chốt số liệu báo cáo và thời hạn báo cáo: Báo cáo hằng tháng lập cho kỳ từ ngày mùng 1 hằng tháng đến ngày cuối cùng của tháng, thời hạn gửi báo cáo không muộn hơn ngày 05 của tháng tiếp theo. 4. Mẫu báo cáo: Phụ lục 3 kèm theo Thông tư. 5. Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được gửi theo đường công văn và tệp (file) dữ liệu điện tử. 6. Đối với ngân hàng thương mại không thực hiện đúng trách nhiệm báo cáo thông tin về giao dịch thu chi NSNN như quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan, và không khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có thông báo nhắc nhở của Bộ Tài chính đối với khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh thì không đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ dự án sử dụng vốn viện trợ. Chương II. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 23. Điều khoản thi hành	Bỏ hàng tháng. giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên Định kỳ hằng tháng, trước ngày 05 của tháng tiếp theo, ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án mở tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ lập báo cáo về tình hình giao dịch thu, chi NSNN qua tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ trong tháng, gửi cơ quan chủ quản đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách trung ương, gửi ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh. giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên giữ nguyên bỏ giữ nguyên giữ nguyên	Phân cấp phân quyền cho cơ quan chủ quản. Văn bản quy phạm pháp luật không thể quy định trách nhiệm của ngân hàng thương mại (không phải ngân hàng phục vụ).

